



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

53/GP-UBCK	ngày 10 tháng 2 năm 2014
47/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2018
72/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 8 năm 2022
07/GPĐC-UBCK	ngày 16 tháng 1 năm 2023

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Đình Quân	Chủ tịch
Ông Trần Châu Danh	Thành viên
Ông Đặng Hồng Hải	Thành viên
Ông Ng Kiam We	Thành viên
	(từ ngày 4 tháng 6 năm 2024)
Ông Yoshihito Takahama	Thành viên
	(từ ngày 4 tháng 6 năm 2024)
Ông Junichi Yoshii	Thành viên
	(đến ngày 2 tháng 6 năm 2024)
Ông Seigo Fujimaru	Thành viên
	(đến ngày 30 tháng 3 năm 2024)

Tổng Giám đốc

Ông Trần Châu Danh

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Châu Danh

Trụ sở đăng ký

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi
Phường 11, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

2042
INH
IG TY
KPM
HỒ H

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của chúng tôi bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00572-24-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

3-C
CÔNG
TNI
THÀ
N L
ICI
ÊT
N-7



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		182.008.614.369	190.422.377.384
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.755.981.690	49.873.538.073
Tiền	111	4	3.755.981.690	49.873.538.073
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		143.500.000.000	106.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	143.500.000.000	106.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.472.500.263	32.744.241.629
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.155.000	11.902.464
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	28.942.303.289	26.943.095.168
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	4.527.041.974	5.789.243.997
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.280.132.416	1.804.597.682
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	1.280.132.416	1.804.597.682
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		5.883.783.754	6.271.672.824
Các khoản phải thu dài hạn	210		13.000.000	127.600.000
Phải thu dài hạn khác	218		13.000.000	127.600.000
Tài sản cố định	220		4.363.793.320	5.114.742.098
Tài sản cố định hữu hình	221	9	843.666.137	1.023.996.213
<i>Nguyên giá</i>	222		3.150.566.343	3.150.566.343
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.306.900.206)	(2.126.570.130)
Tài sản cố định vô hình	227	10	3.520.127.183	4.090.745.885
<i>Nguyên giá</i>	228		10.239.320.684	10.239.320.684
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.719.193.501)	(6.148.574.799)
Tài sản dài hạn khác	260		1.506.990.434	1.029.330.726
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	532.812.918	659.197.173
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	974.177.516	370.133.553
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		187.892.398.123	196.694.050.208

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

HỌ TÊN CHỨC VỤ CHỖ CHỮ KÝ

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.905.908.411	13.265.949.113
Nợ ngắn hạn	310		10.674.785.189	12.107.325.891
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	51.535.762
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	6.985.749.563	5.903.778.477
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	13	3.639.764.361	6.015.378.547
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		49.271.265	136.633.105
Nợ dài hạn	330		1.231.123.222	1.158.623.222
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	14	1.231.123.222	1.158.623.222
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		175.986.489.712	183.428.101.095
Vốn chủ sở hữu	410	15	175.986.489.712	183.428.101.095
Vốn góp	411	16	27.500.000.000	27.500.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000.000	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		145.986.489.712	153.428.101.095
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		187.892.398.123	196.694.050.208

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	19	961.504.187.408	825.854.240.851
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		961.504.187.408	825.854.240.851
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	20	51.247.733.194.084	48.687.296.675.746
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		51.247.733.194.084	48.687.296.675.746
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	21	24.549.112.325	41.361.325.050
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	22	113.548.656.311	39.778.815.817

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B02a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	23	67.862.528.811	53.685.164.387
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.290.331.711	5.228.541.462
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	19.002.584.548	19.355.514.134
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 25)	30		53.150.275.974	39.558.191.715
Thu nhập khác	31		51.870.160	1.000.000
Lợi nhuận khác (40 = 31)	40		51.870.160	1.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.202.146.134	39.559.191.715
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	11.247.801.480	8.093.205.411
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	26	(604.043.963)	(5.407.931)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		42.558.388.617	31.471.394.235

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.202.146.134	39.559.191.715
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	750.948.778	715.613.686
Các khoản dự phòng	03	72.500.000	72.499.998
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.290.331.711)	(5.229.541.462)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	49.735.263.201	35.117.763.937
Biến động các khoản phải thu	09	(1.337.738.081)	(4.162.414.512)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(2.585.268.501)	(2.062.893.976)
Biến động chi phí trả trước	12	650.849.521	590.941.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.095.073.681)	(4.639.618.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.368.032.459	24.843.778.681
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	-	(261.500.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	1.000.000
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(105.500.000.000)	(58.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	68.000.000.000	109.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.014.411.158	7.122.067.495
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.485.588.842)	58.361.567.495

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
-------	---	---

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Phân phối lợi nhuận	36	(50.000.000.000)	(100.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.000.000.000)	(100.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(46.117.556.383)	(16.794.653.824)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	49.873.538.073	18.375.499.234
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	3.755.981.690	1.580.845.410

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 1 năm 2023. Thời gian hoạt động của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 50 năm.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 27.500 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Tổng số nhân viên của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 18 nhân viên (31/12/2023: 17 nhân viên) trong đó có 12 nhân viên (31/12/2023: 13 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký số cái.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp văn phòng 4 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 2 – 5 năm

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Theo Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”), công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2024/002 ngày 29 tháng 2 năm 2024.

(j) Dự phòng

Ngoài các khoản dự phòng được trình bày tại các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn góp

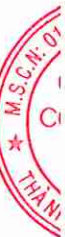
Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 146”) được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.

Theo Nghị quyết số MC2022-05 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Thành viên, Công ty đã tiến hành việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, đồng thời giữ nguyên số dư quỹ dự phòng tài chính đã trích lập. Việc tăng vốn điều lệ của Công ty được cập nhật trong Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 1 năm 2023 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác được định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư được quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tiền

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
<i>Tiền gửi ngân hàng tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.593.643.755	49.527.847.591
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	162.337.935	345.690.482
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	3.755.981.690	49.873.538.073

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	43.000.000.000	44.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	43.000.000.000	19.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	27.000.000.000	-
▪ BIDV	17.500.000.000	30.000.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	13.000.000.000	13.000.000.000
	143.500.000.000	106.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hưởng lãi suất năm từ 4,0% đến 8,8% (31/12/2023: từ 5,8% đến 9,4%).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – công ty mẹ (i)	28.810.367.676	26.689.466.383
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) (ii)	102.375.934	201.118.702
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) (iii)	29.559.679	52.510.083
	28.942.303.289	26.943.095.168

- (i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền tính lãi cho khoản chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- (ii) Khoản phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.
- (iii) Khoản phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	3.839.942.475	4.564.021.922
Tạm ứng cho người lao động (i)	628.800.000	1.199.800.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác (ii)	58.299.499	25.422.075
	4.527.041.974	5.789.243.997

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, bao gồm trong tạm ứng cho người lao động là các khoản tạm ứng tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 257.100.000 VND (31/12/2023: 257.100.000 VND) và có kỳ hạn từ trên ba tháng đến dưới 12 tháng là 371.700.000 VND (31/12/2023: 942.700.000 VND).
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 58.299.499 VND (31/12/2023: 25.422.075 VND).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phí phân tích và truy cập dữ liệu	286.759.473	433.818.867
Phí bảo trì phần mềm	600.072.273	1.320.578.815
Chi phí khác	393.300.670	50.200.000
	1.280.132.416	1.804.597.682
	1.280.132.416	1.804.597.682

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ	Chi phí	Tổng cộng
	và dụng cụ	khác	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	594.047.845	65.149.328	659.197.173
Tăng trong kỳ	68.255.000	21.339.000	89.594.000
Phân bổ trong kỳ	(177.771.665)	(38.206.590)	(215.978.255)
	484.531.180	48.281.738	532.812.918
Số dư cuối kỳ	484.531.180	48.281.738	532.812.918

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	650.291.746	2.500.274.597	3.150.566.343
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.547.745	2.113.022.385	2.126.570.130
Khấu hao trong kỳ	81.286.468	99.043.608	180.330.076
Số dư cuối kỳ	94.834.213	2.212.065.993	2.306.900.206
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	636.744.001	387.252.212	1.023.996.213
Số dư cuối kỳ	555.457.533	288.208.604	843.666.137

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá là 1.975.627.500 VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	10.239.320.684
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.148.574.799
Khấu hao trong kỳ	570.618.702
Số dư cuối kỳ	6.719.193.501
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.090.745.885
Số dư cuối kỳ	3.520.127.183

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá là 4.558.108.148 VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:</i>			
Chi phí phải trả	20%	727.952.872	138.408.909
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	246.224.644	231.724.644
		974.177.516	370.133.553



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2023 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế thu nhập cá nhân	308.704.796	2.999.048.377	(3.069.805.090)	237.948.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.595.073.681	11.247.801.480	(10.095.073.681)	6.747.801.480
Thuế khác	-	72.194.672	(72.194.672)	-
	<u>5.903.778.477</u>	<u>14.319.044.529</u>	<u>(13.237.073.443)</u>	<u>6.985.749.563</u>

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	2.850.018.111	5.323.334.000
Chi phí khác	789.746.250	692.044.547
	<u>3.639.764.361</u>	<u>6.015.378.547</u>

14. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Biến động của quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	1.158.623.222	1.014.000.000
Trích lập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 25)	72.500.000	72.499.998
Chi bồi thường cho nhà đầu tư	-	(376.778)
	<u>1.231.123.222</u>	<u>1.086.123.220</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	27.500.000.000	2.500.000.000	153.428.101.095	183.428.101.095
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	42.558.388.617	42.558.388.617
Phân phối lợi nhuận (Thuyết minh 17)	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	27.500.000.000	2.500.000.000	145.986.489.712	175.986.489.712
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	27.500.000.000	2.500.000.000	183.337.378.341	213.337.378.341
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	31.471.394.235	31.471.394.235
Phân phối lợi nhuận	-	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	27.500.000.000	2.500.000.000	114.808.772.576	144.808.772.576

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

16. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2024 và 31/12/2023	
	VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	27.500.000.000	100%

Công ty mẹ trực tiếp, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, và công ty mẹ cấp cao nhất, Dai-ichi Life Holding, Inc., được thành lập lần lượt tại Việt Nam và Nhật Bản.

17. Phân phối lợi nhuận

Hội đồng Thành viên của Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 50.000.000.000 VND cho Chủ sở hữu. Ngày phân phối lợi nhuận là ngày 22 tháng 1 năm 2024.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	831.466.952	645.871.060
Trong vòng hai đến năm năm	2.053.338.632	2.615.897.160
	<u>2.884.805.584</u>	<u>3.261.768.220</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

19. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác liên quan đến khoản tiền gửi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ). Chi tiết các khoản tiền gửi theo các quỹ của công ty mẹ như sau:

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Quỹ bảo hiểm liên kết đơn vị		
Tiền gửi ngân hàng	309.426.201.668	114.831.075.015
Quỹ bảo hiểm liên kết chung		
Tiền gửi ngân hàng	605.327.742.499	408.989.790.679
Quỹ bảo hiểm hưu trí tự nguyện		
Tiền gửi ngân hàng	10.357.487.171	78.601.958
Quỹ bảo hiểm truyền thống		
Tiền gửi ngân hàng	36.392.756.070	301.954.773.199
	961.504.187.408	825.854.240.851



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

20. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, chi tiết theo các quỹ như sau:

	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND
		30/6/2024			31/12/2023	
Quỹ liên kết đơn vị						
Chứng khoán vốn niêm yết	73.486.088	2.585.770.332.812	2.759.455.717.100	71.705.878	2.278.430.727.470	2.357.891.348.100
Chứng khoán nợ	370.000	36.692.864.800	47.925.620.000	373.060	126.692.864.800	141.675.660.000
Tiền gửi có kỳ hạn		695.100.000.000	695.100.000.000		482.700.000.000	482.700.000.000
Quỹ liên kết chung						
Chứng khoán nợ	169.987.426	25.798.032.506.832	28.298.888.212.413	164.136.666	24.319.086.444.576	27.612.401.511.795
Tiền gửi có kỳ hạn		4.288.700.000.000	4.288.700.000.000		3.785.300.000.000	3.785.300.000.000
Quỹ hưu trí tự nguyện						
Chứng khoán nợ	1.150.010	126.627.350.000	151.618.550.000	1.150.010	126.627.350.000	156.599.200.000
Tiền gửi có kỳ hạn		97.900.000.000	97.900.000.000		93.900.000.000	93.900.000.000
Quỹ bảo hiểm truyền thống						
Chứng khoán nợ	107.080.657	14.664.610.139.640	17.185.519.385.746	106.230.457	14.359.759.288.900	17.420.972.176.800
Tiền gửi có kỳ hạn		2.954.300.000.000	2.954.300.000.000		3.114.800.000.000	3.114.800.000.000
		51.247.733.194.084	56.479.407.485.259		48.687.296.675.746	55.166.239.896.695

(*) Giá thị trường của các khoản đầu tư được xác định theo các điều khoản về xác định giá thị trường được quy định trong hợp đồng quản lý danh mục với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu từ bán cổ phiếu	23.323.827.825	20.681.725.050
Phải thu lãi từ chứng khoán nợ	-	20.000.000.000
Phải thu cổ tức	1.225.284.500	679.600.000
	24.549.112.325	41.361.325.050

22. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	28.810.367.676	26.689.466.383
Phải trả mua cổ phiếu	84.738.288.635	13.089.349.434
	113.548.656.311	39.778.815.817

23. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN (i)	66.926.889.875	52.347.824.015
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (ii)	916.899.364	1.335.088.096
Doanh thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ mở	18.739.572	2.252.276
	67.862.528.811	53.685.164.387

- (i) Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ bảo hiểm truyền thống, Quỹ liên kết đơn vị, Quỹ liên kết chung và Quỹ hưu trí tự nguyện của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (ii) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”) và Quỹ Đầu tư Trái Phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam.

Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày	
			30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	122.339.948.591	161.351.154.608
DFVN-FIX	Quỹ đầu tư	Số 02/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2021	72.398.004.679	68.877.011.888

Theo điều lệ quỹ của DFVN-CAF và DFVN-FIX, Công ty được nhận phí quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX.

Phí quản lý Quỹ DFVN-CAF được tính là 1,5% (trước ngày 20 tháng 2 năm 2024) và 1,0% (từ ngày 20 tháng 2 năm 2024) trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của mỗi Quỹ trong một năm tài chính.

Phí quản lý Quỹ DFVN-FIX được tính là 0,9% (trước ngày 20 tháng 2 năm 2024) và 0,5% (từ ngày 20 tháng 2 năm 2024) trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của mỗi Quỹ trong một năm tài chính.

Phí quản lý quỹ được tính tại các kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	4.290.331.711	5.228.541.462

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lương và các chi phí theo lương	12.442.264.078	13.640.211.315
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	3.170.270.331	2.919.100.753
Công cụ, dụng cụ và thiết bị	2.156.509.966	1.711.988.512
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	750.948.778	715.613.686
Chi phí công tác, vận chuyển	330.870.335	231.400.990
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư (Thuyết minh 14)	72.500.000	72.499.998
Thuế và phí khác	10.500.000	3.000.000
Chi phí khác	68.721.060	61.698.880
	19.002.584.548	19.355.514.134

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.247.801.480	8.093.205.411
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(604.043.963)	(5.407.931)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.643.757.517	8.087.797.480



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.202.146.134	39.559.191.715
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.640.429.228	7.911.838.343
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.328.289	175.959.137
	10.643.757.517	8.087.797.480

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong kỳ

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN") – Công ty mẹ		
Phân phối lợi nhuận	50.000.000.000	100.000.000.000
Cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư	66.926.889.875	52.347.824.015
Chi phí trả hộ bởi công ty mẹ	12.520.910.106	15.377.586.092
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") – Quỹ do Công ty quản lý		
Cung cấp dịch vụ quản lý quỹ	704.180.241	1.045.261.443
Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN – FIX") – Quỹ do Công ty quản lý		
Cung cấp dịch vụ quản lý quỹ	212.719.123	289.826.653

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày báo cáo, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam		
(“DLVN”) – Công ty mẹ		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	28.810.367.676	26.689.466.383
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) –		
Quỹ do Công ty quản lý		
Phải thu phí quản lý quỹ	102.375.934	201.118.702
Thu hộ thuế thu nhập cá nhân giữ lại của nhà đầu tư	3.236.359	3.098.988
Thu hộ dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Thu hộ thuế thu nhập cá nhân Ban Đại diện Quỹ	4.500.000	-
Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) –		
Quỹ do Công ty quản lý		
Phải thu phí quản lý quỹ	29.559.679	52.510.083
Thu hộ thuế thu nhập cá nhân giữ lại của nhà đầu tư	439.855	33.377
Thu hộ dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Thu hộ thuế thu nhập cá nhân Ban Đại diện Quỹ	2.700.000	-

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 19, Thuyết minh 20, Thuyết minh 21 và Thuyết minh 22.

28. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	3.755.981.690	49.873.538.073
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(ii)	143.500.000.000	106.000.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iii)	28.942.303.289	26.943.095.168
Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	4.527.041.974	5.789.243.997
Phải thu dài hạn khác	(iii)	13.000.000	127.600.000
		<hr/>	<hr/>
		180.738.326.953	188.733.477.238

(ii) Tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty và có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	789.746.250	789.746.250	789.746.250
Phải trả ngắn hạn khác	49.271.265	49.271.265	49.271.265
	839.017.515	839.017.515	839.017.515
	839.017.515	839.017.515	839.017.515
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	692.044.547	692.044.547	692.044.547
Phải trả ngắn hạn khác	136.633.105	136.633.105	136.633.105
	828.677.652	828.677.652	828.677.652
	828.677.652	828.677.652	828.677.652

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3.755.981.690	49.873.538.073
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	143.500.000.000	106.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	147.255.981.690	155.873.538.073

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của khoản mục này được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	143.500.000.000	143.500.000.000	106.000.000.000	106.000.000.000
<i>Các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng	3.755.981.690	3.755.981.690	49.873.538.073	49.873.538.073
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	28.942.303.289	28.942.303.289	26.943.095.168	26.943.095.168
▪ Phải thu ngắn hạn khác	4.527.041.974	4.527.041.974	5.789.243.997	5.789.243.997
▪ Phải thu dài hạn khác	13.000.000	13.000.000	127.600.000	127.600.000
Nợ phải trả tài chính				
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	789.746.250	789.746.250	692.044.547	692.044.547
▪ Phải trả ngắn hạn khác	49.271.265	49.271.265	136.633.105	136.633.105

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư của khoản mục này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của khoản mục này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

29. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi các yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

30. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ gần nhất.

31. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường đáng kể nào trong kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

32. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

